

TẢN MẠN LỊCH SỬ VỀ HÌNH DÁNG NGƯỜI VIỆT THẾ KỶ XVIII

Nguyễn Duy Chính*

Thỉnh thoảng trên báo chí hay trên mạng internet chúng ta lại được đọc những tranh luận, bàn cãi về hình dáng, y phục, phong tục của người Việt thời cổ. Khi miêu tả lịch sử trên giấy chúng ta có nhiều tự do vì không phải đề cập đến những chi tiết bề ngoài nhưng khi tái tạo một xã hội, một tập thể trên hình vẽ, trong kịch trường, phim ảnh thì vấn đề phức tạp hơn rất nhiều vì tác giả, đạo diễn phải am tường không những chi tiết lịch sử nhân vật mà còn cả bối cảnh và môi trường là nơi xảy ra biến cố đó.

Hình ảnh về người Việt cách đây vài trăm năm rất hiếm vì sách vở viết về các dân tộc vùng Đông Nam Á chú trọng đến việc sinh hoạt hơn là nhân dáng và việc ghi nhận một khu vực bằng hình vẽ là một việc hiếm hoi. Do đó khi phải miêu tả sinh hoạt ngày xưa, người ta thường sử dụng trí tưởng tượng, ít khi nghiên cứu tường tận nên không hiếm những tượng đài, tranh vẽ hay phim ảnh tuy đạt được nhu cầu thị hiếu của quần chúng nhưng lại không vừa ý những nhà chuyên môn, mà qua sự hiểu biết của họ thì rất chướng mắt, nói theo ngôn ngữ mới hôm nay là “*phản cảm*”.

Hai Bà Trưng đội khăn vành dây thế kỷ XX, lính của hai bà mặc binh phục thời Nguyễn còn quân Hán thì thắt đuôi sam theo lối Mãn Thanh là hình ảnh chúng tôi còn nhớ được trong bộ *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* [Mạnh Quỳnh vẽ, Thiếu Bảo kể] mua năm 1956 tại hội chợ Trường đua Phú Thọ!

Những sai sót đó có lẽ không phải cố ý mà vì thời đại không cho tác giả biết được nhiều như chúng ta hôm nay. Nhờ vào kỹ thuật mới, những ai yêu thích hình ảnh cũ có thể tìm thấy nhiều hình ảnh trong một số trang web mà trang chủ dày công sưu tầm, sắp xếp.⁽¹⁾

Trong bài viết ngắn này, chúng tôi xin đưa ra một số tài liệu và hình ảnh trong sách vở khảo tả về nhân dáng của người Việt chúng ta vào khoảng thế kỷ XVII, XVIII là giai đoạn mà chưa phát minh ra máy ảnh nên mọi miêu tả đều phải thực hiện bằng bút chì, màu nước hay mực đen, phần lớn do họa sĩ Tây phương thực hiện. Ngoài ra, trong một số du ký, chúng ta còn thấy hình vẽ một số sinh hoạt triều đình hay đô thị nhưng chi tiết thì còn nhiều điểm đáng bàn vì không phù hợp với những sinh hoạt truyền thống như ta đã biết.

Dàng Ngoài

Theo các giáo sĩ, trong công tác truyền bá đạo Hồi, người Ba Tư (Persian) thành công khá nhiều ở một số hải đảo nhưng lại ít thành công trên đất liền ở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, người dân bản xứ du nhập và bắt chước văn hóa Trung Đông về y phục, thực phẩm, nghệ thuật... nên y phục của người Champa ở Đàng Trong hầu như hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Ba Tư: áo dài,

* California, Hoa Kỳ.

khăn quần đầu và có lẽ cũng ảnh hưởng sâu đậm đến lối ăn mặc của người Việt. Chính triều đình Xiêm La cải cách y phục theo lối Ba Tư bao gồm cả áo dài, giày, dao găm đeo hông và khăn đội đầu.⁽²⁾

Năm 1687, vua Xiêm Narai yêu cầu thầy giảng Tachard đưa một phái đoàn Xiêm La sang gặp Giáo hoàng Innocent XI. Cầm đầu là ba sứ thần Xiêm là Ok-khun Wiser Puban, Ok-khun Chamnan Chaichong và Ok-muen Pipith Raja mang theo nhiều quà cáp và một quốc thư viết trên những tấm vàng lá. Phái đoàn khởi hành ngày 3 tháng 1 năm 1688 trên chiếc tàu có tên là Gaillard đến Paris ngày 14 tháng 9 cùng năm. Đặc biệt trong số người cùng đi có ba thầy giảng (catechist)⁽³⁾ người Việt Nam và còn lưu lại một số hình vẽ chân dung họ nên ngày nay chúng ta còn hình dung được phần nào nhân dáng người Việt thế kỷ thứ XVII như thế nào.

Ba thầy giảng này không thuộc phái đoàn Xiêm La - dĩ nhiên - mà họ có nhiệm vụ riêng được giáo phận Đàng Ngoài gửi sang Roma để yêu cầu tòa thánh Vatican cho các tu sĩ dòng J  s  it được trở lại hoạt động.⁽⁴⁾

Ba thầy giảng đó theo tài liệu tòa thánh có tên là Dionissio Li-njian, 35 tuổi, Michel Foghanin, 34 tuổi và một người trẻ hơn Antonio Van Kiet, 21 tuổi làm thông ngôn.⁽⁵⁾ Ba bức chân dung này đều do họa sĩ Carlo Maratta vẽ năm 1688. Theo chi tiết ghi trên hình thì họ là người Đàng Ngoài (Tonkinese), nét mặt thanh tú gần giống như người Việt ngày nay. Những thầy giảng này có lẽ được đưa từ Đàng Ngoài sang Xiêm để đào tạo theo chủ trương của giám mục Lambert rồi tháp tùng phái đoàn Xiêm La sang Pháp.⁽⁶⁾ Có lẽ đây là những người Việt Nam được tiếp xúc và học hỏi văn minh Tây phương sớm sủa nhất, lại có dịp sang tận Âu Châu trong một nhiệm vụ khá quan trọng. Chúng tôi không biết ba người này có phải là những người Việt đầu tiên sang Paris mà tài liệu còn ghi lại hay không?

Điểm đáng chú ý là những thầy giảng này x  a tóc, không b  i lên và cũng không đội mũ. Đây là tập quán của người Việt hay của nhà chung? Giovanni



Ba thầy giảng Đàng Ngoài đi cùng với sứ thần Xiêm La sang Paris năm 1688. Theo *Siam and the Vatican in the Seventeenth Century*, 2001, tr. 91.

et de Lao (1666) có viết rằng “...ngày xưa hồi còn nội thuộc nước Tàu, đàn ông và đàn bà [tức người miền Bắc] còn b  i tóc ngược, chải có thứ tự và bện bằng lông đuôi ngựa, trên ch  m chiếc m  o; nhưng từ ngày họ được tự do, muốn tỏ rằng họ đã thoát ly và khác ý kiến với người Trung Quốc, họ để tóc giải [sic],

phủ xuống vai, không chải. Tóc càng đen, không buộc, giải và để hỗn độn bao nhiêu lại càng được chuộng...".⁽⁷⁾ Nội thuộc đề cập đến ở đây không phải là thời kỳ từ thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch đến thế kỷ thứ X mà là thời kỳ nhà Minh sang chiếm nước ta đầu thế kỷ XV. Trong những năm đó, quan nhà Minh bắt dân ta phải bỏ y phục, tập quán để theo lối của người Trung Hoa. Sau khi vua Lê Thái Tổ đánh đuổi được người Tàu ra khỏi bờ cõi, dân ta lại trở lại theo phong tục cũ. Phạm Đình Hổ có viết:

...Đời cổ giả thì búi tóc lên trên đỉnh đầu, lấy cái mũ bằng vải thâm đội lên cho chặt. Cho nên mũ biện 弁 thì nhọn đầu, mũ miện 冕 thì dài như cái ống, khăn đội thì làm trùng dài nổi cao lên, đều là làm cái chỗ để chứa búi tóc. Người nước ta thì bỏ xõa tóc, không cần gì phải đội mũ cao, vậy muốn biến tục di-phong thì phải đợi đấng vương-giả làm dần-dà đến hết đời mới xong được.

Dàn bà đời cổ vẫn có mũ để che tóc, đàn bà ta thì chỉ dùng khăn lượt để cuốn tóc mà thôi, lúc yết kiến bậc tôn trưởng thì lại xòa tóc xuống để làm kính lễ. Đời vua Lê Hiển-tôn mới cho những kẻ cung-nhân búi tóc lệch mà đội mũ, kiểu mũ ấy tròn mà trùng-dài cao, duy lúc hầu thường thì đội cái mũ ấy. Đến lúc ra tâu nhạc thì vẫn đội một thứ mũ tròn chữ đình, không khác gì các cung tần hầu ở trong vương-phủ. Còn các bà mệnh-phụ ở ngoại-đình thì cách đội mũ chưa có định-chế.

Vua Đinh Tiên-hoàng mới chế ra một thứ khăn tứ-phương bình-đỉnh 四方平頂 kiểu nó vuông mà trên đỉnh phẳng, làm bằng da, đó là một thứ quân-trang, đời sau mới đổi làm thứ mũ lục-lăng mà thấp bớt phần trên, chế bằng một thứ lụa bồi bằng sơn, đó là một thứ tế-phục, gọi là mũ bình-đỉnh 平頂帽.

...Ta khi nhỏ thường trông thấy các bậc tiền-bối khi nhàn-cư thường đội một thứ mũ bao-đỉnh 包頂 bằng mã-vĩ, kiểu nó tròn mà đỉnh đầu phẳng, cao độ một thước. Hoặc đội khăn bát-tiên 八仙, nhà sĩ-thứ thì thường đội khăn bức-cân và khăn bát-tiên, hai thứ ấy đều không phải là thứ công-phục.⁽⁸⁾

Việc thay đổi y phục ở Đàng Ngoài được tiến hành quy mô nhất dưới thời Nguyễn. Vua Minh Mệnh từ năm 1827 đã bắt dân Quảng Bình mặc theo lối Đàng Trong và đến năm 1828 thì bắt dân Bắc Hà đổi theo y phục của triều đình. Việc thống nhất y phục gặp nhiều chống đối nên đến năm 1838 lại ban dụ rằng:

“Ngày trước từ Linh Giang trở ra Bắc, dân vẫn mặc y phục như cũ. Đã ban dụ truyền lệnh sửa đổi theo y phục từ Quảng Bình trở vào trong, để phong tục đồng nhất. Lại cho thời hạn rộng rãi, khiến dân được thông thả may sắm quần áo. Từ năm Minh Mệnh thứ 8 (1828) đến nay, đã 10 năm rồi, vẫn nghe nói dân chưa sửa đổi. Vả lại, từ Quảng Bình trở vào Nam, mũ khăn quần áo đều theo phong cách của nhà Hán, nhà Minh, xem khá tề chỉnh. Theo phong tục cũ của người miền Bắc con trai đóng khố, con gái mặc áo thắt vạt, dưới mặc váy. Đẹp xấu đã thấy rõ rệt. Có kẻ đã theo tục tốt, cũng có kẻ vẫn giữ nguyên thói cũ. Phải chăng cố ý làm trái lệnh trên? Các tỉnh thành nên đem ý ấy mà chỉ bảo, khuyên dụ nhân dân. Hạn trong năm nay, phải nhất tề thay đổi. Nếu đầu năm sau, còn giữ theo y phục cũ, sẽ bị tội.”⁽⁹⁾

Một điều khá chắc chắn, dân chúng miền Bắc luôn luôn úy kỵ việc bị người Tàu đồng hóa nên tìm đủ mọi cách để giữ lấy nét truyền thống đặc trưng của người Việt và không ảnh hưởng Trung Hoa quá mạnh mẽ như dân chúng tại Đàng Trong. Ngược lại, vương triều Nguyễn vì muốn khác với chúa Trịnh nên ngay từ những ngày đầu tiên tách rời khỏi miền Bắc, chúa Nguyễn đã tiến hành cải cách y phục theo lối người Hán nên miền Nam dân chúng mặc quần chứ không mặc váy nữa.

Đàng Trong

Vì miền Nam được khai phá sau này, đa số là dân tứ xứ đến lập nghiệp nên người ở Đàng Trong đa chủng hơn. Theo những hình ảnh của người ngoại quốc ghi nhận khi họ có dịp đi ngang thì Nam Hà tương đối khác biệt với Bắc Hà. Người Đàng Trong vấn khăn, không phải là loại khăn quấn chặt như người miền Bắc vùng sơn cước còn lưu lại đến hôm nay mà là loại khăn vấn lỏng, nếu không quan sát kỹ có thể tưởng là một loại mũ. Loại khăn quấn này hiện nay người Chăm vẫn còn đội trên đầu, xem ra rất gần với tập quán của những quốc gia Nam Á từ Trung Đông, Ấn Độ đến Mã Lai, Nam Dương...



5. An Inferior Mandarin of Tourane Bay
LONDON, P. & D. Colnaghi & Co. Limited. Pencil and
watercolour on paper 35.5 x 23.5 cm.
Initialed on mount lower right: WA del.

Bức hình viên quan cấp thấp ở
vịnh Đà Nẵng, (được Sotheby
đưa ra bán đấu giá ngày mùng 1
tháng 4 năm 1976).
Image of China, 1980, tr. 31.



Tên tiểu đồng xách điếu,
Viện Bảo tàng Maidstone
(Maidstone Museums and
Art Gallery). *Image of China*,
1980, phụ bản VI, tr. 49.

Năm 1792 khi họa sĩ
William Alexander tháp
tùng phái đoàn của Lord
Macartney sang Trung
Hoa để điều đình việc
buôn bán đã có dịp đi
ngang Đàng Trong.
Tháng 5 năm 1793 phái
đoàn ghé lại Tourane
(Đà Nẵng) hơn hai tuần
để lấy thêm lương thực,
nước uống cùng điều
trị một số thủy thủ bị
nhiễm bệnh. Trong dịp
này, William Alexander
đã ghi lại được một số
sinh hoạt về người và
cảnh vật Nam Hà trong
đó có hai bức chân dung
đáng chú ý là hình vẽ
một viên quan cấp thấp
(mandarin of inferior
rank) và một tiểu đồng
xách điếu, trầu, quạt
cho ông này. Nguyên ủy

của hai bức hình này được chính tác giả ghi lại trong *Nhật ký* (Journal) của ông ngày mùng 3 tháng 6 năm 1793 như sau:

*“Sáng nay một viên quan từ triều đình cùng với nhiều tùy tùng đã lên
xem tàu của chúng tôi. Ông ta vào trong cabin của tôi với một viên quan khác*

cấp dưới (mandarin of inferior rank) và người này chịu ngồi trong vài phút để tôi vẽ phác (slight sketch). Ông ta có vẻ rất thích và năn nỉ đòi tôi cho ông ấy bức vẽ này nhưng tôi từ chối và cho ông ta một bản sao hay một bức tranh khác nhưng ông ta không chịu. Tôi nhất định giữ bức họa nên ông ta giận dữ bỏ đi. Tên đầy tớ (mang trâu cau, dù và kiếm... cho ông ta) đã tự tiện lấy một số đồ nghề và một số vật dụng của tôi để rải rác chung quanh...”⁽¹⁰⁾

Riêng hình tên tiểu đồng là tranh vẽ bằng màu nước trên giấy khổ 36 x 20cm xem ra được vẽ từ người thật, không phải chỉ là một bức họa miêu tả y phục hay nhân dáng. Tiểu đồng này là người xách điếu cho viên quan mà William Alexander đã nhắc đến trong *Nhật ký*. John Barrow [người cũng trong phái đoàn Macartney] trong tác phẩm *Travels in China* đã cho rằng tên đầy tớ đẹp-trai tuổi khoảng từ mười-bốn đến mười-tám [handsome fourteen-to-eighteen-year-old pipe-bearer] này có thể đóng thêm cả vai tình nhân (đồng tính luyến ái) của viên quan nhưng có lẽ nghi vấn đó đi hơi xa vì một viên quan có người đi theo lo việc “điếu đóm” trong xã hội Việt Nam là chuyện bình thường.⁽¹¹⁾

Hình vẽ viên quan và tiểu đồng về sau được gộp chung trên một bức đồng bản họa do James Caldwell khắc in năm 1796 kèm theo trong tác phẩm *Miscellaneous Notices relating to China* (London, 1822), [họa bản 16] dưới nhan đề “A Mandarin or Magistrate of Tourane Attended by his Pipe-bearer” [Một viên quan hay quan tòa ở Tourane cùng với tên xách điếu]. Bức tranh này so với nguyên bản vụng về và cứng cõi hơn, thiếu hẳn nét linh hoạt nguyên thủy. Chúng tôi cũng còn thấy một số bản sao tương tự trong các sách vở khác.⁽¹²⁾



Người Đàng Trong đeo kiếm.
Maidstone Museums and Art Gallery.
Tranh chì và màu nước
18,2x10,5cm. *Image of China*, 1980, tr. 37.

Một bức hình khác cũng vẽ người Đàng Trong là một người đeo kiếm ở sau lưng, có thể là bản phác để vẽ sinh hoạt của Tourane trong một bức tranh khác vẽ một nhóm người. Trong hình chúng ta thấy người này để ria thưa, đội khăn trên đầu trông như người Chăm ngày nay. Nét vẽ tự nhiên mà sách vở ghi nhận là khuôn mặt thanh tú của người dân vùng Đà Nẵng (gentle-faced native of the Tourane Bay region).

Kết luận

Để duy trì sự độc lập về văn hóa, hầu như trong mọi thời kỳ, người Việt đều muốn mình khác với người Trung Hoa về y phục, ngôn ngữ hay chữ viết. Ảnh hưởng của phương Bắc không làm chúng ta bị đồng hóa mà giúp cho sinh hoạt của người mình phong phú hơn. Giữ cho

mình được “dài tóc, đen răng” là một nỗ lực không nhỏ.

Năm Đinh Dậu, Vạn Lịch thứ 25 [1597], Phùng Khắc Khoan sang sứ nhà Minh gặp sứ thần Triều Tiên là Lý Túy Quang, hai người thơ văn qua lại đối đáp khiến họ Lý phải phục tài. Có điều nhà Minh trước đây nhận họ Mạc cầu

phong, ban cho chức An Nam Đô thống sứ, nay họ Lê sai sứ sang tố cáo họ Mạc tiếm ngôi, xin đổi lại nên vua Minh chưa bằng lòng. Sứ thần nước ta phải ở lại Yên Kinh đến hơn nửa năm để kêu xin, có dịp sinh hoạt với người nước khác.

Trong *Chi Phong tập* là di văn của Lý Túy Quang còn một đoạn về việc giao thiệp với Phùng Khắc Khoan như sau:

...Sứ thần họ Phùng, tên Khắc Khoan, hiệu Nghị Trai tuổi vào khoảng 70, hình dáng thật lạ lùng, răng đen, tóc bịt, áo chùng dài tay áo rộng, dùng vải mịn nguyên tấm trùm đầu như khăn của nhà sư, nửa còn lại thì rủ ra sau lưng dài đến quá vai.

Người đó tuy rất già nhưng tinh lực tráng kiện, lúc nào cũng đọc sách viết lách không nghỉ. Mỗi khi vào triều nghị quyết thì búi tóc đội khăn, ăn mặc y hệt như lối của thiên triều nhưng xem vẻ mặt thì như không thoải mái, vừa về đến nhà là cởi ra ngay.

Sứ đoàn tổng cộng 23 người đều bịt tóc cả. Quý nhân đều nhuộm răng còn hạ nhân thì mặc áo ngắn, đi chân không, dẫu mùa đông cũng không có giày vớ gì cả. Ấy là tục của họ như thế. Nơi ở của họ thì ngủ trên giường, không ngủ trên lò gạch [nguyên văn kháng (炕) là giường bằng gạch dưới đốt than để chống lạnh của người Trung Hoa miền Bắc].

Họ ăn uống cũng như người Hoa nhưng không sạch sẽ bằng. Quần áo phần nhiều bằng lụa trơn không thêu thùa sắc sỡ. Về hình dáng thì họ thấp người, mắt sâu, trông như khỉ vượn. Tính tình ôn hòa, hiền lành, giỏi văn tự, rất thích tập kiếm, phép đánh kiếm của họ khác hẳn Kỹ hiệu tân thư,⁽¹³⁾ muốn học lén của họ nhưng họ giữ bí mật không truyền dạy. Tiếng nói của họ ngắn và dùng hợp khẩu thanh, trong đó chỉ có một người biết tiếng Hán, dịch ra để hai bên hiểu nhau.

Về chữ viết thì nét chữ rất khác lạ, không thể nào hiểu được.⁽¹⁴⁾ Lúc đầu tôi muốn thử xem họ có biết chữ không nên viết một bài dài gởi cho họ thì sứ thần liền họa lại. Mấy lần như thế nên về sau mỗi khi gặp Túy Quang liền làm thơ tặng ngay...⁽¹⁵⁾

Xem như thế, việc duy trì bản sắc và tinh hoa là việc từ nghìn xưa của người Việt.

N D C

CHÚ THÍCH

- (1) http://nguyentl.free.fr/html/cadre_sommaire_fr.htm
<http://www.flickr.com/photos/13476480@N07/sets/>
- (2) *But the Persians had more success in art and design than religion; their elaborate formal costumes caught the fancy of King Narai, who changed court dress to Persian style, complete with slippers, long robes, daggers, and imposing headdresses.* Michael Smithies & Luigi Bressan: *Siam and the Vatican in the seventeenth century* (Bangkok: River Books, 2001) tr. 17.
- (3) Thầy giảng là những trợ tá do các thừa sai Dòng Tên (Jésuits) đào tạo [có thể được thụ phong linh mục] và thường là những người trực tiếp đến các nhà dân để truyền đạo. Họ được lựa chọn trong những người có khả năng và đức độ.
- (4) *...three Tonkinese catechists who were going to Rome as representatives of the Christians in their country seeking the reinstatement of the Jesuits there.* Michael Smithies & Luigi Bressan, sđd, tr. 84.

- (5) Trên những bức hình này có đề chữ Hán nhưng đọc không rõ nên không biết tên thực của họ là gì.
- (6) Xem thêm Trương Bá Cẩn (chủ biên). *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, Tập I: Thời kỳ khai phá và hình thành (từ khởi thủy cho tới cuối thế kỷ XVIII) (Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2008) tr. 232-4.
- (7) “Xã hội Việt-Nam từ thế-kỷ thứ XVII” (Nguyễn Trọng Phấn dịch), tạp chí *Thanh nghị* số 25, 16 Novembre 1942, tr. 8.
- (8) Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút* (Đông Châu dịch), tạp chí *Nam phong* số 123, Nov. 1927, tr. 456-7.
- (9) *Minh Mệnh chính yếu*. Bản dịch Lê Phục Thiện, Sài Gòn, 1974, tập 3, tr. 283 (dẫn theo Đỗ Đức Hùng “Về câu ca: Tháng Tám có chiếu vua ra...”, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế - Tạp chí Xưa & Nay: *Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam*, 2002), tr. 91.
- (10) *This morning a Mandarin from court with many attendants came on board to see our ship. He came into my cabin with another [mandarin] of inferior rank who sat a few minutes while I made a slight sketch of him at which he seemed highly pleased and pressed me to let him have it, which I declined, and offered him any other prints instead, or to make a copy of that, but nothing else would do. I persevered in keeping [the] sketch, so he went out in a huff. His servants (who carry his betel, umberellas [sic], swords, etc.) made free to carry off some of my drawing implements and other articles which were scattered about.* Susan Legoux, *Image of China: William Alexander* (London: Jupiter Books Publishers, 1980), tr. 9.
- (11) Cristoforo Borri (1585-1632) trong tác phẩm *Relation della nuova missione delli P.P. della Compagnia di Giesu, al regno della Cocincina* (xuất bản tại Rome năm 1631) cũng ghi nhận việc người bản xứ Đàng Trong hay xin những món đồ ưa thích nhưng cũng rất rộng lượng và hào phóng cho lại những gì họ có. Như vậy đây là một đặc tính chung của người Đàng Trong chứ không phải vì tham lam.
- (12) Susan Legoux, Sdd, tr. 33 và George Dutton, *The Tây Sơn Uprising: Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam* (Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006), tr. 150.
- (13) Võ kinh của Thích Kế Quang đời Minh.
- (14) Đây là chữ Nôm của người mình.
- (15) Lý Túy Quang, “An Nam sứ thần xướng họa vấn đáp lục”, Hoàng Hoa Văn chủ biên, *Yên hành lục toàn biên*, quyển V (Quảng Tây Sư phạm đại học, 2010), tr. 351.

TÓM TẮT

Bài viết đưa ra một số tài liệu và hình ảnh về cách ăn mặc và nhân dáng của người Việt vào thế kỷ XVII, XVIII. Tuy còn ít ỏi nhưng đây là những thông tin quý giá, giúp cho chúng ta hình dung được phần nào về phục sức và hình dáng của người Việt ở thời kỳ chưa có máy ảnh nên mọi miêu tả về hình ảnh đều phải thực hiện bằng tranh vẽ và phần lớn đều do các họa sĩ phương Tây thực hiện.

ABSTRACT

HISTORICAL NOTES ON VIETNAMESE FIGURE IN THE 18TH CENTURY

The article presents a number of documents and pictures of the Vietnamese dressing and figure in the 17th and 18th centuries. They provide negligible but valuable information for us to partly figure out Vietnamese dressing and figure before the time of cameras, and descriptions of images must be done by drawings and largely performed by Western artists.